

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4969-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tên cơ sở đào tạo : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:  
Tên văn bằng : **Cử nhân Xã hội học**  
Tên chương trình đào tạo : **Xã hội học**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Xã hội học** Mã số: **7310301**

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học xã hội học, có năng lực phát hiện, lí giải, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực sư phạm và năng lực giao tiếp xã hội, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và xu hướng hòa nhập quốc tế. Có cơ hội làm việc mở rộng và cơ hội học hỏi ở bậc cao hơn cả trong và ngoài nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

- Có những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Có kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và nắm vững được nội dung cốt lõi của các lý thuyết xã hội học;
- Có kiến thức và ứng dụng được các phương pháp nghiên cứu xã hội học (định tính và định lượng) cũng như có khả năng thiết kế, tổ chức nghiên cứu xã hội học độc lập;
- Có kiến thức nền tảng về các chuyên ngành phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam như các vấn đề xã hội học nghiên cứu về nông thôn, đô thị, gia đình, giới, giáo dục, y tế, văn hóa, tôn giáo, quản lý xã hội... Đặc biệt có kiến thức chuyên sâu về lí thuyết, phương pháp nghiên cứu xã hội học trong nghiên cứu truyền thông đại chúng như phân tích sản phẩm truyền thông; đánh giá nhu cầu của công chúng; đánh giá hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng, các chương trình truyền

thông; xây dựng và lập kế hoạch truyền thông.

- Có khả năng tư vấn cho các dự án phát triển xã hội, phát triển cộng đồng, nghiên cứu trong xây dựng Đảng và chính quyền, trong phát triển các tổ chức đoàn thể xã hội phát hiện các vấn đề xã hội, giải quyết các vấn đề nghiên cứu, lập dự án, điều hành quản lý nhóm, kỹ năng đàm phán, giao tiếp hiệu quả;

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Xã hội học;

- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực Xã hội học.

### *1.2.2. Kỹ năng*

Người học khi tốt nghiệp, bước đầu có những năng lực cơ bản sau:

- Có kỹ năng tư duy về phương pháp nghiên cứu cơ bản cho việc tổ chức các nghiên cứu (định tính và định lượng) như phát hiện vấn đề xã hội, lập đề cương nghiên cứu, triển khai hoạt động điều tra, sử dụng thành thạo các phương pháp thu thập thông tin, phương pháp chọn mẫu cách thức xử lý thông tin (SPSS, Nvivo...), viết báo cáo.

- Có kỹ năng điều hành, quản lý nhóm, tư vấn cho các nhà quản lý xã hội các cấp, các cơ quan đoàn thể, các dự án phát triển xã hội, các dự án phát triển cộng đồng... Có kỹ năng đàm phán, giao tiếp, phản biện hiệu quả, xử lý tình huống trong các lĩnh vực xã hội.

- Có kỹ năng nhận diện, phân tích các vấn đề xã hội, kỹ năng tìm các nguồn tài liệu có chất lượng phục vụ cho nghiên cứu.

- Có khả năng vận dụng tốt kiến thức xã hội học vào các lĩnh vực nghiên cứu truyền thông đại chúng, kinh tế - xã hội khác.

### *1.2.3 Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang dao động trước những quan điểm lệch lạc, sai trái; làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, sống vì sự phát triển của cộng đồng.

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng.

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

- Có ý thức tổ chức, kỉ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, có lòng yêu nghề nghiệp.

### *1.3 Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đoàn thể.

- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau.

- Làm công tác nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các trường đại học, cao đẳng, học viện...), trung tâm, viện nghiên cứu.

- Làm công tác giảng dạy trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.

- Làm phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông, nghiên cứu truyền thông, thư ký của các cơ quan báo chí.

- Làm trong các cơ quan, doanh nghiệp về các lĩnh vực quảng cáo, quan hệ công chúng, marketing, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng...

- Làm nghiên cứu xã hội học trong các tổ chức xã hội.

### **- Trình độ ngoại ngữ**

Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu.

### **- Trình độ tin học**

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

#### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

##### *Chương trình đào tạo trong nước:*

Chương trình tham khảo chương trình đào tạo đại học ngành Xã hội học của Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (chương trình cử nhân Xã hội học bằng 2 năm 1989-1990, 1992, 2013, 2015, 2017), Đại học khoa học Huế (2015), Đại học Công đoàn (2012), Đại học Nông nghiệp (2017)

##### *Chương trình đào tạo quốc tế:*

Chương trình cử nhân Xã hội học của trường Princeton University (Mỹ) (1993), The University of Toronto (Canada) (2013); The University of Queensland (Australia) (2013, 2015, 2017), The University of Houston; The University of Miami (2015, 2017)

#### *2.1.2. Kết quả khảo sát*

##### *\* Khảo sát nhu cầu xã hội*

Hoạt động đánh giá chương trình đào tạo Cử nhân Xã hội học (XHH) tại trường Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thực hiện dựa trên phương pháp lấy ý kiến đánh giá của các giảng viên, nhà tuyển dụng nhân lực XHH, các sinh cựu sinh viên XHH của trường và các nhà lãnh đạo quản lý. Nghiên cứu được thiết kế kết hợp dựa trên nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng từ năm 2002 đến nay, nội dung nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá về khung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình cũng như quy trình xây dựng chương trình và nội dung đào tạo cử nhân XHH tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu chương trình đã được đổi mới 3 lần và đây là chương trình dự định thay đổi lần thứ tư.

Kết quả nghiên cứu năm 2017: *Đối với chuẩn đầu ra ngành XHH*, hầu hết chuẩn đầu ra được người trả lời đánh giá với mức độ cần thiết khá cao với điểm đánh giá trung bình trên 4,5 điểm (trên thang 5 điểm). Cụ thể: *Về kiến thức*, các chuẩn đầu ra được người trả lời đánh giá với điểm số cao hầu hết là những kiến thức rất quan trọng

ng của ngành XHH giúp cho người học sau khi ra trường có điều kiện để tiếp cận và có khả năng làm việc rất tốt trong môi trường nghiên cứu cũng như giảng dạy về chuyên ngành XHH. Ngoài ra, một số chuẩn đầu ra đối với khối kiến thức khoa học cơ bản được người trả lời đánh giá mức độ cần thiết thấp. *Về kỹ năng*, ngoài các kiến thức đã được học, chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng hết sức quan trọng đối với chương trình đào tạo Cử nhân Xã hội học, giúp cho người học sau khi ra trường được trang bị các kỹ năng cần thiết tạo điều kiện thuận lợi trong công việc và giao tiếp xã hội. Trên cơ sở đó khoa Xã hội học – Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng đầy đủ các tiêu chí cần thiết về chuẩn đầu ra đối với kỹ năng cho sinh viên chuyên ngành xã hội học, các tiêu chí này đều được người trả lời đánh giá ở mức độ cần thiết khá cao. Tuy nhiên, còn một số kỹ năng được người trả lời đánh giá với với điểm số thấp hơn như: *Nắm vững các phương pháp phân tích cơ bản theo các chủ thuyết cơ bản của xã hội học; Nắm vững và vận dụng thành thạo các bước trong quy trình nghiên cứu cơ bản và ứng dụng; Tư duy về vấn đề từ giác độ mới và tìm giải pháp sáng tạo;... Về thái độ, đạo đức*, nhìn chung các tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra về thái độ, đạo đức được người trả lời đánh giá là rất cần thiết ở mức độ cao với điểm số trung bình trên 4,6 điểm. Hầu hết người trả lời cho rằng phẩm chất, thái độ đạo đức của người học sau khi ra trường là hết sức cần thiết trong công việc.

*Đối với khung chương trình của ngành XHH*, người trả lời cho rằng hầu hết các môn học trong chương trình của ngành XHH – Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được sắp xếp ở mức độ hợp lý cao, tất cả các môn học được đánh giá là khá cần thiết đối với người học. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, các môn học đại cương được đánh giá ở mức độ cần thiết khá cao, nhưng thời gian phải học quá nhiều.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

## **2.2 Căn cứ pháp lý**

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1 Kiến thức**

##### *Kiến thức đại cương*

**CDR 1.** Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

**CDR 2.** Hiểu được một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, pháp luật, văn hoá, tâm lý, kinh tế, toán thống kê và tin học văn phòng.

**CDR 3:** Xác định được đối tượng nghiên cứu của xã hội học và một số phạm trù cơ bản trong nghiên cứu xã hội học

##### *Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR 4.** Hiểu được về lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, các cách tiếp cận lý thuyết xã hội học, lý thuyết Phát triển.

**CDR 5.** Nắm vững được các kiến thức cơ bản về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, dư luận xã hội và nhận diện một số vấn đề xã hội thông qua các đợt thực địa.

**CDR 6.** Có khả năng thiết kế được đề cương nghiên cứu xã hội học.

**CDR7.** Nắm vững được những kiến thức cơ bản và có khả năng xây dựng kế hoạch truyền truyền vận động các vấn đề xã hội.

##### *Kiến thức ngành*

**CDR 8.** Nắm vững được những kiến thức cơ bản về thu thập thông tin, chọn mẫu và xử lý thông tin trong nghiên cứu xã hội học.

**CDR 9.** Có khả năng vận dụng các kiến thức xã hội học vào phân tích, đánh giá vai trò của các nhóm xã hội theo lứa tuổi và theo giới tính.

**CDR 10.** Có khả năng vận dụng các kiến thức và phương pháp nghiên cứu xã hội học xây dựng và thực hiện các nghiên cứu xã hội học liên quan đến các nhóm xã hội theo lứa tuổi và theo giới tính.

**CDR 11.** Có khả năng vận dụng các kiến thức xã hội học vào phân tích, đánh giá vai trò cộng đồng dân cư đô thị và nông thôn.

**CDR 12.** Có khả năng vận dụng các kiến thức và phương pháp nghiên cứu xã hội học xây dựng và thực hiện các nghiên cứu xã hội học liên quan đến cộng đồng dân cư đô thị và nông thôn.

**CDR 13.** Hiểu được một số vấn đề cơ bản về dân số, văn hóa, truyền thông đại chúng, có khả năng nhận thức, phân tích một số đề tài nghiên cứu xã hội học về dân số, văn hóa, truyền thông đại chúng.

**CDR 14.** Hiểu được một số vấn đề xã hội hiện nay đang có nhiều ảnh hưởng đến xã hội. Sử dụng kiến thức xã hội học để hỗ trợ hoạt động quản lý xã hội và truyền thông.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

**CDR 15.** Nắm vững được những kiến thức cơ bản về các thiết chế xã hội: chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, tôn giáo, pháp luật và gia đình.

**CDR 16.** Có khả năng vận dụng các kiến thức và phương pháp nghiên cứu xã hội học để xây dựng và thực hiện các nghiên cứu xã hội học liên quan đến chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, tôn giáo, pháp luật, gia đình và một số vấn đề xã hội khác.

**CDR 17:** Vận dụng các kiến thức và phương pháp nghiên cứu xã hội học để xây dựng và thực hiện các nghiên cứu xã hội học phục vụ cho hoạt động kiến tập và thực tập nghề nghiệp.

### **3.2. Về kỹ năng**

#### *Kỹ năng chung*

**CDR 18.** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**CDR 19.** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý một số vấn đề xã hội.

**CDR 20.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

**CDR 21.** Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**CDR 22.** Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

### *Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Xã hội học*

**CĐR 23.** Kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy phản biện: đưa ra nhận định dựa trên quan sát, so sánh, phân tích, đánh giá các bằng chứng; xem xét các cách tiếp cận giải quyết vấn đề khác nhau; đánh giá giải pháp lựa chọn; chiêm nghiệm quá trình hoạt động để rút ra các bài học, nguyên tắc cho bản thân.

**CĐR 24.** Có năng lực tư duy tổng hợp và biết phân tích các vấn đề xã hội từ nhiều góc độ của các ngành khoa học khác nhau.

**CĐR 25.** Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu xã hội học.

**CĐR 26.** Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong xử lý và trình bày các kết quả nghiên cứu xã hội học.

**CĐR 27.** Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực xã hội học và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

### **3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**CĐR 28.** Có khả năng tổ chức, điều hành và làm việc theo nhóm. Biết truyền thông trong nhóm, giữa nhóm với các nhóm và tổ chức khác.

**CĐR 29.** Có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Xã hội học.

**CĐR 30.** Có năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 31.** Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**CĐR 32.** Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **4. Thời gian đào tạo: 4 năm.**

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khoa:** 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

### **6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Xã hội học nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

## 8. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 9. Nội dung chương trình

### 9.1 Cấu trúc chương trình

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>47 tín chỉ</b>
- Khoa học Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	15 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	6 tín chỉ
- Ngoại ngữ	15 tín chỉ
Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	12 tín chỉ
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>83 tín chỉ</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	22 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>16 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	25 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>19 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức bổ trợ	7 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>4 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành	29 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>26 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>



## 9.2 Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>47</b>	
<b>1.1 Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>11</b>	
1.	<b>TM01012</b>	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề của triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	3,0 (2,5:0,5)	
2.	<b>KT01011</b>	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	2,0 (1,5:0,5)	
3.	<b>CN01002</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	2,0 (1,5:0,5)	
4.	<b>TH01001</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	2,0 (1,5:0,5)	
5.	<b>LS01002</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, đường lối lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và trên những lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội từ khi Đảng ra đời	2,0 (1,5:0,5)	

			năm 1930 cho đến nay.		
<b>1.2 Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				9	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn – đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
10.	<b>TT01007</b>	Nguyên lí công tác tư tưởng	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về công tác tư tưởng bao gồm: bản chất, hệ thống cấu trúc của công tác tư tưởng; nguyên tắc, phương châm công tác tư tưởng và đi sâu nghiên cứu vị trí, vai trò, mối quan hệ của các yếu tố: mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hiệu	2,0 (1,5:0,5)	

			quả công tác tư tưởng; tính chất, nội dung, phương thức đấu tranh trên mặt trận tư tưởng.		
11.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>TG01006</b>	Tâm lý học đại cương	Những kiến thức cơ bản về bản chất hiện tượng tâm lý người, quy luật và các cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí của cá nhân; khái niệm nhân cách, các thành tố trong cấu trúc nhân cách và con đường hình thành và phát triển nhân cách.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>CT01002</b>	Thế chế chính trị thế giới đương đại	Cung cấp kiến thức chung nhất và hệ thống về các loại hình thể chế chính trị thế giới đương đại, kiến thức sâu về những thể chế chính trị điển hình ở một số nước trên thế giới thời kỳ hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>LS01003</b>	Dân tộc học đại cương	Những kiến thức cơ bản về các tộc người trên thế giới, bao gồm: lịch sử nguồn gốc tộc người, quá trình tộc người và các đặc trưng sinh hoạt văn hóa tộc người; các phương pháp nghiên cứu đặc thù và liên ngành để giải mã đời sống và các hiện tượng văn hóa của các tộc người trên thế giới.	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>ĐC01001</b>	Tiếng Việt thực hành	Gồm những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>KT02010</b>	Quản lý kinh tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và khoa học quản lý kinh tế; Chức năng, nguyên tắc, phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế; công cụ, cơ cấu tổ chức quản lý kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định quản lý kinh tế; làm cơ sở cho việc nắm bắt, đánh giá và giải quyết các vấn đề của thực tiễn quản lý kinh tế.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>TM01007</b>	Lôgic học	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	

18.	<b>TG01003</b>	Lý luận dạy học đại học	Nội dung học phần gồm: Bản chất của quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, lập kế hoạch dạy học. Sinh viên thực hành các kỹ năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu cụ thể.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3 Toán và khoa học tự nhiên</b>				<b>6</b>	
19.	<b>ĐC01012</b>	Thống kê và xử lý dữ liệu	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán trong lĩnh vực kinh tế- xã hội...Người học biết sử dụng thành thạo phần mềm Excel, SPSS để giải quyết các bài toán thống kê thường gặp.	3,0 (2,0:1,0)	
20.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	3,0 (1,0:2,0)	
<b>1.4 Ngoại ngữ</b>				<b>15/30</b>	
21.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp(Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách câu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng.Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
23.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài	4,0 (2,0:2,0)	

			tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.		
24.	<b>NN01023</b>	Tiếng Anh học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
25.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán đề có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán. Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản đề trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
27.	<b>NN01021</b>	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
28.	<b>NN01024</b>	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm	3,0 (1,5:1,5)	

			bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra		
<b>2.Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>83</b>	
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>22</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>16</i>	
29.	<b>XH02060</b>	Lịch sử và lý thuyết xã hội học	Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức cơ bản của ngành xã hội học về lĩnh vực lịch sử và lý thuyết xã hội học. Kiến thức về lịch sử và lý thuyết xã hội học bao gồm đối tượng nghiên cứu của lịch sử và lý thuyết xã hội học; điều kiện, tiền đề ra đời của môn Xã hội học với tư cách là khoa học độc lập; các giai đoạn phát triển của Xã hội học; sơ lược lịch sử các luận thuyết tiền xã hội học; các lý thuyết xã hội học kinh điển và hiện đại.	5,0 (2,5:2,5)	
30.	<b>XH02061</b>	Lý thuyết phát triển	Cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, các lý thuyết phát triển đương đại, thấy được những ưu và hạn chế của lý thuyết. Trên cơ sở đó sinh viên sáng tạo trong việc vận dụng các lý thuyết đã được học vào việc phân tích, giải thích, đánh giá những vấn đề trọng tâm trong phát triển và phát triển bền vững. Từ đó, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
31.	<b>XH02062</b>	Xã hội học về cơ cấu xã hội	Cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng nhận thức, đánh giá và phân tích về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
32.	<b>XH03096</b>	Thiết kế nghiên cứu	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu Xã hội học, đặc biệt là những kiến thức cơ bản về các giai đoạn tiến hành điều tra xã hội học thực nghiệm. Những kiến thức này góp phần tiếp thu được những kiến thức của các môn xã hội học chuyên ngành. Kết hợp với những học phần về kỹ thuật chọn mẫu, thu thập thông tin và xử lý thông tin sinh viên có thể tư vấn và tổ chức tiến hành các đề tài nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.	3,0 (1,5:1,5)	
33.	<b>XH02063</b>	Thực tế chính trị - xã hội	Nhận diện các vấn đề chính trị - xã hội tại các địa phương. Bước đầu áp dụng được một số kỹ năng, kỹ thuật phỏng vấn, lý thuyết trong nghiên cứu xã hội học thực tế, đồng thời hiểu được các nguyên tắc và giá trị đạo đức của nghề nghiệp.	2,0 (0,5: 1,5)	
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	

34.	<b>XH02064</b> <b>(XH02727)</b>	Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội	Cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá thực trạng các vấn đề xã hội cần vận động, các lỗ hổng trong hệ thống các chính sách liên quan để từ đó thiết kế và thực hiện các chiến dịch vận động thay đổi, xây dựng mới hoặc hiện thực hoá chính sách cho phù hợp với vấn đề xã hội được phát hiện.	3,0 (1,5:1,5)	
35.	<b>XH02065</b>	Nghiên cứu dư luận xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, lý thuyết tiếp cận, đặc điểm, tính chất, chức năng của DLXH, đồng thời đặt trọng tâm vào trang bị kiến thức, phương pháp nghiên cứu DLXH, cụ thể như: các phương pháp nghiên cứu DLXH, tiến trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật xây dựng công cụ hỗ trợ quá trình nghiên cứu DLXH, kỹ thuật phân tích, trình bày dữ liệu, số liệu nghiên cứu cũng như ứng dụng cụ thể kết quả nghiên cứu DLXH trong quản lý xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
36.	<b>XH02066</b> <b>(XH02710)</b>	Phát triển cộng đồng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, lý thuyết và nội dung phát triển cộng đồng. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng học được từ môn học để hiểu các vấn đề về phát triển cộng đồng, xây dựng, triển khai và đánh giá dự án phát triển.	3,0 (1,5:1,5)	
37.	<b>XH02067</b>	Hành vi con người và môi trường xã hội	Cung cấp những kiến thức về khái niệm hành vi, các loại hành vi và các yếu tố cấu thành hành vi cũng như mối quan hệ giữa hành vi với quan hệ xã hội, môi trường xã hội; các hiểu biết về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội.	3,0 (1,5:1,5)	
38.	<b>QT02001</b>	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
39.	<b>TT03569</b>	Giao lưu và tiếp biến văn hóa	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về quy luật giao lưu tiếp biến văn hóa, các hình thức giao lưu tiếp biến văn hóa, điều kiện và cơ chế giao lưu tiếp biến văn hóa trong diễn trình lịch sử thế giới và cấu trúc văn hóa Việt Nam trong giao lưu tiếp biến với các nền văn hóa trên thế giới.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>				<b>25</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>19</b>	

40.	<b>XH02101</b>	Kỹ thuật thu thập thông tin và kỹ thuật chọn mẫu	Nội dung học phần này gồm: - Những kỹ thuật phân tích tài liệu, thiết kế bảng hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, thảo luận nhóm. Thực hành các kỹ năng để có thể vận dụng vào thu thập thông tin cho đề tài nghiên cứu cụ thể - Tổng quan về chọn mẫu ngẫu nhiên trong nghiên cứu định lượng, các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên cơ bản; phân tích và vận dụng kết hợp các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên cho một số loại nghiên cứu định lượng thường được sử dụng trong nghiên cứu xã hội học, cách lựa chọn mẫu ngẫu nhiên thông qua sử dụng phần mềm SPSS.	4,0 (2,0:2,0)	
41.	<b>XH03025</b>	Kỹ thuật xử lý thông tin	Trang bị kiến thức và kỹ năng ứng dụng phần mềm SPSS trong xử lý số liệu định lượng và phần mềm Nvivo trong xử lý dữ liệu định tính. Cụ thể, sinh viên sẽ được học và thực hành quy trình làm việc với số liệu định lượng và định tính, làm sạch dữ liệu, thiết kế và xây dựng các cơ sở dữ liệu trên máy tính thông qua các ứng dụng phần mềm, nhập dữ liệu, biến đổi dữ liệu, phân tích dữ liệu từ đơn giản đến một số kỹ thuật nâng cao, đọc dữ liệu.	3,0 (1,5:1,5)	
42.	<b>XH02102</b>	Xã hội học về lứa tuổi	Những kiến thức về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, một số lý thuyết nghiên cứu về XHH lứa tuổi; Xã hội học đối với lứa tuổi trẻ em và vị thành niên; Xã hội học đối với lứa tuổi thành niên; Xã hội học đối với lứa tuổi người cao tuổi.	3,0 (1,5:1,5)	
43.	<b>XH02103</b>	Xã hội học giới	Hệ thống khái niệm cơ bản về Giới và Bình đẳng giới; những vấn đề, chiến lược về bình đẳng giới trong nước và thế giới. Hệ thống lý thuyết nữ quyền, lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu giới; các hướng tiếp cận nghiên cứu giới; các công cụ phân tích giới; lồng ghép giới; các lĩnh vực nghiên cứu giới trên thế giới và Việt Nam: bạo lực trên cơ sở giới, lao động việc làm, giới trong giáo dục, nhạy cảm giới trong truyền thông....	3,0 (1,5:1,5)	
44.	<b>XH02104</b>	Xã hội học nông thôn	Những kiến thức về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lý thuyết XHH áp dụng vào nghiên cứu XHH nông thôn; về làng, xã ở nông thôn; về các thiết chế xã hội ở nông thôn; về một số vấn đề nghiên cứu của XHH nông thôn	3,0 (1,5:1,5)	
45.	<b>XH02105</b>	Xã hội học đô thị	Cung cấp những kiến thức về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lý thuyết XHH áp dụng vào nghiên cứu XHH đô thị. Cung cấp thông tin tổng	3,0 (1,5:1,5)	



			quan về đô thị, đối tượng nghiên cứu của xã hội học đô thị, sự hình thành và phát triển của chuyên ngành xã hội học đô thị. Những nội dung nghiên cứu cơ bản của xã hội học đô thị, một số vấn đề nghiên cứu xã hội học đô thị ở Việt Nam.		
<i>Tự chọn</i>				<i>6/18</i>	
46.	<b>XH02106</b>	Xã hội học văn hóa	Cung cấp kiến thức cơ bản (Khái niệm văn hoá, các thành tố văn hoá, phương pháp và lý thuyết tiếp cận nghiên cứu văn hoá,...), kỹ năng nhận thức, đánh giá và phân tích các vấn đề thuộc văn hoá từ góc độ xã hội học và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các học phần ứng dụng sau này.	3,0 (1,5:1,5)	
47.	<b>XH02107</b>	Xã hội học truyền thông đại chúng	Những kiến thức về hệ thống các khái niệm (truyền thông, truyền thông đại chúng, các phương tiện truyền thông đại chúng, công chúng, thông điệp...), đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các mô hình, lý thuyết truyền thông đại chúng, những nội dung nghiên cứu của xã hội học truyền thông đại chúng	3,0 (1,5:1,5)	
48.	<b>XH02108</b>	Xã hội học với công tác truyền thông	Những kiến thức cơ bản về khái niệm, lý thuyết và nội dung của truyền thông đại chúng; vai trò của xã hội học đối với truyền thông đại chúng; các phương pháp nghiên cứu truyền thông. Từ đó, có kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học để nghiên cứu truyền thông đại chúng, cụ thể là: Xây dựng kế hoạch truyền thông; Đánh giá hiệu quả của truyền thông đại chúng; Nghiên cứu công chúng; Đánh giá hiệu quả của công tác quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan truyền thông; Đánh giá chất lượng đội ngũ làm công tác truyền thông.	3,0 (1,5:1,5)	
49.	<b>QQ03466</b>	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	3,0 (1,0:2,0)	
50.	<b>TT03801</b>	Lý thuyết và kỹ năng truyền thông	Học phân cung cấp tri thức về: chính sách và vai trò của chính sách, quan niệm về TTCS, nguyên tắc TTCS, mô hình TTCS, chủ thể, thông điệp, phương thức và hiệu quả TTCS. Các kỹ năng bắt nhu cầu đối tượng, xây dựng thông điệp, sử	3,0 (1,5,1,5)	

		chính sách	dụng các phương tiện truyền thông chính sách.		
51.	<b>TT03385</b>	Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng, văn hóa	Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; các kiến thức và kỹ năng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Mác-Lênin, hoạt động báo cáo viên, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động báo chí, xuất bản và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động tư tưởng hiện nay.	3,0 (2:1)	
<b>2.3 Kiến thức bổ trợ</b>				<b>7</b>	
<i>Bắt buộc</i>				4	
52.	<b>XH03109</b>	Các vấn đề xã hội đương đại	Cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng nhận thức, đánh giá và phân tích các vấn đề xã hội bức xúc, quan trọng có liên quan tới quá trình biến đổi và phát triển xã hội đương đại ở qui mô các quốc gia và Toàn cầu và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này.	4,0 (2,0:2,0)	
<i>Tự chọn</i>				3/9	
53.	<b>XH02110</b>	Dân số và phát triển	Cung cấp các khái niệm cơ bản, lịch sử nghiên cứu và tổng quan dân số thế giới, dân số Việt Nam, hệ thống lý thuyết dân số phát triển cơ bản, các vấn đề dân số phát triển cơ bản như: dân số và phát triển kinh tế xã hội, dân số với vấn đề môi trường và phát triển bền vững, dân số với vấn đề giới, việc làm, an sinh xã hội, vấn đề dân số phát triển tại các nước phát triển và các nước đang phát triển. Các vấn đề, cơ hội và thách thức về dân số phát triển tại Việt Nam được phân tích, thảo luận, dự báo và thực hành đưa ra các giải pháp quản lý hướng đến phát triển bền vững.	3,0 (1,5:1,5)	
54.	<b>XH02111</b>	An sinh xã hội	Những khái niệm, phạm trù, chức năng của an sinh xã hội; Ý nghĩa, vai trò của an sinh xã hội trong đời sống cá nhân, nhóm, cộng đồng và toàn xã hội...Cung cấp thông tin về hệ thống an sinh xã hội trên thế giới, đồng thời cung cấp thông tin sơ lược về quá trình hình thành chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. Phân tích các cấu phần của an sinh xã hội ở Việt Nam và tìm hiểu thực trạng các lĩnh vực chính trong hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.	3,0 (1,5:1,5)	
55.	<b>XH02112</b>	Xã hội học quản lý	Cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý, chu trình quản lý, xã hội học quản lý và vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học trong hoạt động quản lý xã	3,0 (1,5:1,5)	

			hội.		
<b>2.4 Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>29</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<i>15</i>	
56.	<b>XH03113</b>	Xã hội học gia đình	Nghiên cứu sự hình thành và phát triển các hình thái gia đình trong lịch sử, cung cấp hệ thống những kiến thức về gia đình: khái niệm gia đình, đối tượng nghiên cứu, đặc trưng, các mối quan hệ trong gia đình, các chức năng cơ bản của gia đình, và vai trò của gia đình đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các gia đình theo hướng tiếp cận, phân tích của xã hội học và hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến gia đình.	3,0 (1,5:1,5)	
57.	<b>XH03114</b>	Xã hội học chính trị	Nghiên cứu các khái niệm, đối tượng nghiên cứu của xã hội học chính trị, quyền lực chính trị, hành vi chính trị của các nhóm xã hội. Phân tích các quy luật của sự hình thành, biến đổi, phát triển của các tập hợp chính trị, hệ thống chính trị, khuôn mẫu hành vi chính trị, sự kiện và quá trình chính trị... dự báo các xu hướng vận động của hệ thống chính trị. Vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu và phân tích một số vấn đề cần thiết của hệ thống chính trị các cấp ở nước ta hiện nay	3,0 (1,5:1,5)	
58.	<b>XH03115</b>	Xã hội học y tế	Cung cấp một số kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng nghiên cứu xã hội học y tế, phân biệt với các tiếp cận nghiên cứu y tế, sức khỏe từ các chuyên ngành khác. Môn học cũng hướng tới trang bị hệ thống các lý thuyết vĩ mô, vi mô xã hội học trong nghiên cứu y tế, sức khỏe, đồng thời hướng đến trang bị kỹ năng thực hành thiết kế và phân tích các vấn đề xã hội học y tế, sức khỏe nổi bật trên thế giới và Việt Nam hiện nay.	3,0 (1,5:1,5)	
59.	<b>XH03116</b>	Xã hội học kinh tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản, kỹ năng nhận thức, đánh giá và phân tích các vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của xã hội học kinh tế. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng học được từ môn học để áp dụng vào triển khai, nghiên cứu một lĩnh vực cụ thể mà được coi là hoặc gần với đối tượng nghiên cứu của xã hội học kinh tế.	3,0 (1,5:1,5)	
60.	<b>XH03117</b>	Xã hội học giáo dục	Cung cấp các khái niệm, đối tượng, sự hình thành và phát triển của xã hội học giáo dục trên thế giới và Việt Nam. Vận dụng những học thuyết xã hội về giáo	3,0 (1,5:1,5)	

			đục và phương pháp nghiên cứu xã hội học để tìm hiểu những vấn đề giáo dục trong nhà trường, bình đẳng giới trong giáo dục, các mối quan hệ xã hội trong giáo dục, ảnh hưởng của giáo dục tới sự phát triển của cá nhân và xã hội; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội.		
61.	<b>XH03083</b>	<b>Kiến tập</b>	Hiểu sâu sắc hơn vai trò của nghiên cứu Xã hội học và thực hiện được các bước khi tiến hành thu thập thông tin cho một đề tài nghiên cứu Xã hội học hoàn chỉnh; đồng thời áp dụng được các kỹ năng, kỹ thuật phỏng vấn, lý thuyết trong nghiên cứu Xã hội học thực tế, đồng thời tuân thủ được các nguyên tắc và giá trị đạo đức của nghề nghiệp.	2,0 (0.5:1.5)	
62.	<b>XH03084</b>	<b>Thực tập cuối khóa</b>	Hiểu sâu sắc hơn vai trò của nghiên cứu Xã hội học và thực hiện đầy đủ các bước trong nghiên cứu từ việc thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, tiến hành thu thập thông tin đến việc xử lý thông tin và viết báo cáo cho một đề tài nghiên cứu Xã hội học hoàn chỉnh; đồng thời áp dụng được các kỹ năng, kỹ thuật phỏng vấn, lý thuyết trong nghiên cứu Xã hội học thực tế, đồng thời tuân thủ được các nguyên tắc và giá trị đạo đức của nghề nghiệp.	3,0 (0.5:2,5)	
63.	<b>XH04016</b>	<b>Khóa luận</b>	Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng	6	
<b>Học phần thay thế khóa luận</b>				6	
64.	<b>XH03120</b>	Xã hội học môi trường	Cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành, khái niệm, đối tượng, các hướng tiếp cận trong nghiên cứu môi trường, xung đột môi trường và các hướng giải quyết xung đột môi trường. Tập huấn kỹ năng để có thể vận dụng kiến thức xã hội học môi trường đã học vào nghiên cứu và phân tích một số vấn đề về môi trường cũng như các hoạt động thực tiễn bảo vệ môi trường.	3,0 (1.5:1.5)	
65.	<b>XH03121</b>	Xã hội học với công tác quản lý xã hội	Cung cấp kiến thức để làm rõ vai trò của xã hội học đối với công tác quản lý xã hội (phân tích một số nghiên cứu xã hội học phục vụ cho công tác quản lý xã hội) và vận dụng nó vào thiết kế các nghiên cứu xã hội học (các mô hình kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng) cụ thể có liên quan đến công tác quản lý xã hội: xây dựng Đảng, nghiên cứu xã hội học phục vụ cho chính trị, tuyên truyền.	3,0 (1.5:1.5)	
<b>Tự chọn</b>				3/9	

66.	<b>XH03118</b>	Xã hội học tôn giáo	Hệ thống khái niệm cơ bản về xã hội học tôn giáo; những vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo trong nước và thế giới. Hệ thống lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo, các hướng tiếp cận nghiên cứu xã hội học tôn giáo; Nghiên cứu tôn giáo – một tổ chức xã hội; Vai trò của tôn giáo đối với xã hội; Những khuynh hướng phát triển tôn giáo hiện đại; Các lĩnh vực nghiên cứu xã hội học tôn giáo trên thế giới và Việt Nam	3,0 (1,5:1,5)	
67.	<b>XH03119</b>	Xã hội học pháp luật	Cung cấp các khái niệm cơ bản, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các lý thuyết tiếp cận cùng các nội dung cơ bản của xã hội học pháp luật: hệ thống pháp luật, vai trò, chức năng của pháp luật, các chuẩn mực pháp luật và mối quan hệ giữa pháp luật với các thiết chế xã hội. Vận dụng kiến thức xã hội học pháp luật vào nghiên cứu và phân tích về xây dựng và thực thi pháp luật trong xã hội đương đại.	3,0 (1,5:1,5)	
68.	<b>TT02366</b>	Nghệ thuật phát biểu miệng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng: bao gồm khái niệm, phân loại, cơ sở tâm lý sư phạm của phát biểu miệng; ngôn ngữ phát biểu miệng, các thao tác phân tích, chứng minh trong phát biểu miệng; các bước chuẩn bị và tiến hành phát biểu; phương pháp xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình phát biểu	3,0 (1,0: 2,0)	
<b>Tổng toàn khóa</b>				<b>130</b>	

### 9.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																																					
		Kiến thức																	Kỹ năng										Năng lực tự chủ										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32						
1	TM01012	2	1																		1												1			1			
2	KT01011	2	1																			1												1			1		
3	CN01002	2	1																			1												1			1		
4	TH01001	2																				1												1			1		
5	LS01002	2																					1												1			1	
6	NP01001	1	2																				1												1				
7	CT01001	1	2																				1												1				



37	XH02067		2			1								1			2	1				1	1						1	1	1
38	QT02001	1	2											1		1												1		1	
39	TT03569	1	2											1		1												1		1	
40	XH02101							2		1		1					1		1		2	1	1	1		1			2	1	
41	XH03025							1						1		2	1	1		1	2	1		2	1	1			1		
42	XH02102							2	2					1		2		1	1	1	2	2		2				2	1		
43	XH02103	1		1				2	2				1	1			2		1	1	2	1	2		2			1	1		
44	XH02104									2	2				1	2		1	1	1	2			2	1	1	2	1			
45	XH02105									2	2		1		1	1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	
46	XH02106										2				2	1	2			1	1		1	2		1	1	1	1	1	
47	XH02107								2					2	1	2		2	1	1	1	2		2	1	1	2	1			
48	XH02108									1				2	1	2		2	1	1	1	2		2	1	1	2	1			
49	QQ03466																														
50	TT03801																														
51	TT03385																														
52	XH03109								1	2				1	1	1			1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	
53	XH02110	1							2	1	1			2	1	2			1	2		1		1			1				
54	XH02111									2				1	1	1			1	2			1			1		1	1		
55	XH02112					1				2				1	1	1		1	1	1	1	1		2	1	1	1	1	2		
56	XH03113									1	1	2			1	1			1	1		1		1		1		1	1		
57	XH03114									1	1				1	1			1	1		1		1	1	1	1	1			
58	XH03115			1	1		2			1				1	2		2	1	2			1	2		1	1	1		1		
59	XH03116										1	2			2					2	2								1	1	
60	XH03117		1			1					1	1	2			1	1			1	1				1	1	1				
61	XH03083												2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	1	1		1	1	1	1	1	
62	XH03084												2	2	2	2	1	1	1	2	2	2	1		1	1	2	1			
63	XH04016												2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1		1	1	2	1			
64	XH03120			1	2								1	2	2				2				2		2	2		1	1	1	1
65	XH03121					2					1		1		1		1		1	1	1	1	1		2	1	1	1	1	1	

66	XH03118	1		1			1					1		1	2	2				2			2	1				2			1	
67	XH03119											1	2	2						2			1	1				2		1	2	
68	TT02366												1				2	2		1	1	1					1		2	1	1	

**Lưu ý:**

- Cấp độ 1 (1): Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến CĐR nhưng người học chưa được thực hành CĐR đó; các nội dung thi, kiểm tra chưa đánh giá được CĐR đó.
- Cấp độ 2 (2): Trong đó người học được thực hành các nội dung để đạt CĐR; nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR đó.



## 10. Hướng dẫn thực hiện

### 10.1 Kế hoạch thực hiện chương trình:

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được học tập một số môn cơ sở ngành giúp sinh viên tiếp cận với kiến thức mang tính khái quát của ngành học.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành Xã hội học

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến ngành Xã hội học theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về Xã hội học và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết hoặc tham gia các nghiên cứu của Khoa chủ quản.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01012	3	x							
2	KT01011	2		x						
3	CN01002	2	x							
4	TH01001	2			x					
5	LS01002	2		x						
6	NP01001	3		x						
7	CT01001	2	x							
8	XD01001	2					x			
9	XH01001	2	x							
10	TT01007	2				x				
11	TT01002	2						x		
12	TG01006	2	x							
13	CT01002	2	x							
14	LS01003	2	x							
15	ĐC01001	2	x							
16	KT02010	2				x				
17	TM01007	2	x							
18	TG01003	2	x							
19	ĐC01012	3				x				
20	ĐC01005	3	x							
21	NN01015	4	x							
22	NN01016	3		x						
23	NN01017	4			x					
24	NN01023	4				x				
25	NN01019	4	x							
26	NN01020	4		x						
27	NN01021	4			x					
28	NN01024	4				x				
29	XH02060	5		x						
30	XH02061	3			x					
31	XH02062	3		x						

32	XH03096	3			x					
33	XH02063	2			x					
34	XH02064	3				x				
35	XH02065	3			x					
36	XH02066	3				x				
37	XH02067	3				x				
38	QT02001	3			x					
39	TT03569	3			x					
40	XH02101	4				x				
41	XH03025	3					x			
42	XH02102	3							x	
43	XH02103	3					x			
44	XH02104	3						x		
45	XH02105	3						x		
46	XH02106	3					x			
47	XH02107	3					x			
48	XH02108	3					x			
49	QQ03466	3					x			
50	TT03801	3					x			
51	TT03385	3					x			
52	XH03109	4							x	
53	XH02110	3				x				
54	XH02111	3				x				
55	XH02112	3				x				
56	XH03113	3							x	
57	XH03114	3							x	
58	XH03115	3							x	
59	XH03116	3						x		
60	XH03117	3					x			
61	XH03083	2						x		
62	XH03084	3								x
63	XH04016	6								x
64	XH03120	3								x
65	XH03121	3								x
66	XH03118	3						x		
67	XH03119	3						x		
68	TT02366	3						x		

### ***10.2 Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình:***

+ Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đã có những cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho công tác giáo dục và đào tạo. Đối với ngành Xã hội học cần có những cơ sở vật chất cơ bản như giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, loa, mic... Ngoài ra cần có hệ thống các đầu sách, tư liệu tham khảo cập nhật và đa dạng.

Thêm vào đó, đối với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ, có những yêu cầu cơ sở vật chất đặc thù hơn nhằm đáp ứng được cho việc thực hành môn học được hiệu quả. Cụ thể:

+ Môn Kỹ thuật xử lý thông tin cần có phòng máy được trang bị phần mềm phục vụ ngành học có bản quyền

+ Môn Kỹ thuật thu thập thông tin: đối với môn học này, sinh viên có thể xây dựng kế hoạch và thực hiện chuyến đi thực tế (chủ thể và đối tượng do giáo viên lựa chọn). Để tổ chức được bài tập này, cần có kinh phí để tổ chức tùy theo nội dung thực hiện.

+ Học phần Thực tế chính trị-xã hội, Kiến tập, Thực tập nghiệp vụ: để tăng cường thực tế và giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận gần hơn với thực tế nghề nghiệp, có thể cho sinh viên tham gia các đợt nghiên cứu, khảo sát với các công ty, tổ chức trong nước và nước ngoài hoặc do khoa chủ quản tổ chức nghiên cứu. Để thực hiện được chuyến đi này cần có sự hỗ trợ của Ban quản lý đào tạo về lịch giảng dạy, giấy tờ liên hệ làm việc, hỗ trợ công tác phí đối với giảng viên, hỗ trợ kinh phí đối với sinh viên

#### **+ Về đội ngũ giảng viên**

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Xã hội học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 03 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 04 Tiến sỹ, 04 Nghiên cứu sinh, 4 Thạc sỹ Xã hội học, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ ngành Xã hội học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Xã hội học được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, trình độ ngoại ngữ khá và thành thạo trong công nghệ phục vụ ngành học. Được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều giảng viên ở các trường đại học ở khu vực phía Bắc, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực xã hội học và giảng viên mời đến từ các một số trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### **+ Về Thư viện**

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan

đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### ***10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình***

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Ngọc Nam**